TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88**/2018/HNGĐ_ST
Ngày: 27/4/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2302/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc X**, sinh năm 1983

Địa chỉ: K3/120D, tổ 86, ấp Tân Mỹ, P.Bửu Hòa, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm Thành Y**, sinh năm 1983

Địa chỉ: K3/120D, tổ 86, ấp Tân Mỹ, P.Bửu Hòa, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai

(Chị X có đơn xin vắng mặt, anh Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X trình bày: Năm 2008, sau thời gian tìm hiểu chị và anh Y tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa. Ngày 04/4/2008, UBND phường Bửu Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36/TP-HT, quyển số 01/2008 cho vợ chồng chị và anh Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Y không có trách nhiệm với vợ con, ăn chơi, sa đà vào các tệ nạn. Từ đó vợ chồng

bất đồng quan điểm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Có 02 con chung là Lâm Thành Sang, sinh ngày 19/11/2003 và Lâm Thị Mỹ Ngọc, sinh ngày 26/12/2015. Theo đơn khởi kiện ly hôn Chị X đề nghị giao cả hai con chung cho anh Y trực tiếp nuôi dưỡng, mỗi tháng Chị X cấp dưỡng 1.000.000đ/02cháu/tháng. Ngày 05/2/2018, Chị X có đơn xin thay đổi đối với yêu cầu này. Cụ thể Chị X đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên anh Lâm Thành Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của anh Y về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Sang và cháu Ngọc, cả hai cháu đều có nguyện vọng được Chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Ngọc X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Thành Y đối chiếu các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Chị X là nguyên đơn, anh Y là bị đơn trong vụ án.

Anh Y có hộ khẩu thường trú tại phường Bửu Hòa, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều

227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ làm thủ tục đăng ký kết hôn, ngày 04/4/2008, UBND phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36/TP.HT, quyển số 01/2008 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị X xác định do anh Y chỉ ăn chơi, không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay Chị X không còn tình cảm với anh Y và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Y.Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy anh Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu xin ly hôn của Chị X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Khi ly hôn Chị X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lâm Thành Sang, sinh ngày 19/11/2003 và Lâm Thị Mỹ Ngọc, sinh ngày 26/12/2015, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của Chị X phù hợp với thực tế hiện nay Chị X cũng đang nuôi dưỡng 02 con chung và phù hợp nguyện vọng của trẻ nên chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn Chị X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tuy nhiên, do anh Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu

- Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc X đối với bị đơn anh Lâm Thành Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Trần Thị Ngọc X, sinh năm 1983 ly hôn với anh Lâm Thành Y, sinh năm 1983.

Giao 02 con chung là cháu Lâm Thành Sang, sinh ngày 19/11/2003 và Lâm Thị Mỹ Ngọc, sinh ngày 26/12/2015 cho chị Trần Thị Ngọc X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lâm Thành Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003150 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Chị X, anh Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P.Bửu Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.